**Chương 2. Mô hình hóa các chức năng**

**2.1 Biểu đồ use case**

A screenshot of a cell phone

Description automatically generated

*Hình 9. Biểu đồ use case tổng quát*

2.1.1 Các use case chính

**A diagram of a person with text

Description automatically generated**

*Hình 10. Biểu đồ các use case chính*

**1. Đăng nhập:** use case này cho phép khách hàng đăng nhập vào website của cửa hàng

**2. Đăng kí:** use case này cho phép khách hàng đăng kí tài khoản để đăng nhập vào website của cửa hàng.

**3.Quản lý giỏ hàng:** Use case này cho phép khách hàng xem các sản phẩm có trong giỏ hàng đồng thời có thể thay đổi thuộc tính của một sản phẩm và xóa sản phẩm

**4. Xem sản phẩm theo đối tượng:** use case này cho phép khách hàng xem sản phẩm theo đối tượng, ví dụ: nam, nữ hoặc trẻ em**.**

**5. Xem sản phẩm theo danh mục:** use case này cho phép khách hàng xem sản phẩm theo danh mục đã chọn.

**6. Xem blog theo danh mục:** use case này cho phép khách hàng xem các blog về thời trang theo danh mục đã chọn.

**7. Tìm kiếm sản phẩm theo từ khóa:** use case này cho phép khách hàng tìm kiếm các loại sản phẩm theo tên sản phẩm.

**8. Tìm chi nhánh cửa hàng:** use case này cho phép khách hàng tìm địa chỉ những chi nhánh cửa hàng gần với khách hàng.

**9. Xem thông tin page theo danh mục:** use case này cho phép khách hàng xem các thông tin về page của cửa hàng theo danh mục, ví dụ: tin khuyến mãi, chính sách và ưu đãi đối với khách hàng mua sản phẩm,…

**10. Xem voucher giảm giá:** use case này cho phép khách hàng xem các voucher giảm giá đối với sản phẩm mà khách hàng muốn mua.

**11. Đặt hàng:** use case này cho phép khách hàng đặt hàng của cửa hàng theo hình thức trực tuyến.

**12. Hủy hàng:** use case này cho phép khách hàng hủy đơn hàng mà khách hàng đã đặt.

**13. Xem chi tiết sản phẩm:** use case này cho phép khách hàng xem thông tin chi tiết của sản phẩm.

**14. Thanh toán:** use case này cho phép khách hàng thanh toán đơn hàng đã đặt.

**15. Hỏi đáp**: Cho phép khách hàng đặt câu hỏi về các chủ đề liên quan đến sản phẩm

**16. Liên hệ**: Cho phép khách hàng kết nối đến nhân viên chăm sóc khách hàng của trang web.  
**17.Xem tin tức sự kiện**: Cho phép khách hàng xem thông tin sự kiện, các sản phẩm trong sự kiện.

2.1.2 Các use case thứ cấp

**A screenshot of a chat

Description automatically generated**

*Hình 11. Biểu đồ nhóm use case thứ cấp*

**1.Đăng nhập:** Cho phép người quản trị đăng nhập vào tài khoản, truy cập cơ sở dữ liệu

**2.Quản lý sản phẩm:** Cho phép người quản trị xem, thêm, sửa, xóa thông tin trong bảng **SANPHAM**

**3.Quản lý blog:** Cho phép người quản trị xem, thêm, sửa, xóa thông tin trong bảng **BLOG**

**4.Quản lý danh mục sản phẩm:** Cho phép người quản trị xem, thêm, sửa, xóa thông tin trong bảng **DANHMUC**

**5.Quản lý chi nhánh của hàng:** Cho phép người quản trị xem, thêm, sửa, xóa thông tin trong bảng **CHINHANH**

**6.Quản lý tài khoản:** Cho phép người quản trị xem, thêm, sửa, xóa thông tin trong bảng **TAIKHOAN**

**7.Quản lý đơn hàng:** Cho phép người quản trị xem, thêm, sửa, xóa thông tin trong bảng **DONHANG**

**8.Quản lý voucher:** Cho phép người quản trị xem, thêm, sửa, xóa thông tin trong bảng **VOUCHER**

**9.Quản lý tin tức sự kiện:** Cho phép người quản trị xem, thêm, sửa, xóa

thông tin trong bảng **SUKIEN.**

**10.Bảo trì thông tin giới thiệu**: Cho phép người quản trị xem, thêm, sửa,

xóa thông tin trong bảng **THONGTINGIOITHIEU**.

2.1.3 Quan hệ của các use case A screenshot of a black background

Description automatically generated

*Hình 12. Quan hệ include giữa các use case*

## **2.2: Mô tả chi tiết các use case**

### 2.2.1: Use case Quản lý tài khoản

|  |
| --- |
| 1.Tên use case: Quản lý tài khoản |
| 2.Mô tả vắn tắt:  Use case này cho phép người quản trị xem, thêm, sửa, xóa thông tin trong bảng TAIKHOAN  3.Luồng sự kiện:  3.1 Luồng cơ bản:  1,Use case này bắt đầu khi người quản trị kích vào nút “Quản lý tài khoản” trên menu quản trị. Hệ thống lấy thông tin chi tiết của tất cả tài khoản: Tên người dùng, địa chỉ, trạng thái…. từ bảng TAIKHOAN trong cơ sở dữ liệu và hiện thị danh sách các tài khoản lên màn hình  2, Thêm thông tin  a, Người quản trị kích vào nút “Thêm” trên màn hình. Hệ thống hiển thị  lên màn hình yêu cầu nhập thông tin mới cho tài khoản: tên tài khoản, mật khẩu, địa chỉ email, địa chỉ.  b, Người quản trị nhập thông tin giới thiệu và kích vào nút “Tạo”. Hệ thống sẽ hiển thị màn hình thêm thông tin: tài khoản, mật khẩu, địa chỉ email, địa chỉ.  3, Sửa thông tin tài khoản  a, Người quản trị kích vào nút ‘Sửa” vào một thông tin tài khoản. Hệ thống sẽ hiển thị lên màn hình chỉnh sửa thông tin: mật khẩu, địa chỉ email, địa chỉ.  b, Người quản trị nhập thông tin cho tài khoản được sửa và kích nút “Cập nhật”. Hệ thống sẽ sửa thông tin tài khoản được chọn trong bảng TAIKHOAN và hiển thị lên màn hình tài khoản đã được cập nhật. Use case kết thúc.  4) Xóa tài khoản  a, Người quản trị chọn thông tin tài khoản cần xóa và kích vào nút “Xóa”. Hệ thống sẽ hiển thị một màn hình yêu cầu xác nhận xóa.  b) Người quản trị kích vào nút” Đồng ý”. Hệ thống sẽ xóa tài khoản được chọn khỏi bảng TAIKHOAN và hiển thị danh sách các tài khoản đã cập nhật. Use case kết thúc.  3.2 Các luồng rẽ nhánh:  1) Tại bước 2b hoặc 3b trong luồng cơ bản nếu người quản trị nhập thông tin tài khoản không hợp lệ thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi yêu cầu nhập lại. Người quản trị có thể nhập lại để tiếp tục hoặc kích nút “Hủy” để kết thúc.  2) Tại bước 4b trong luồng cơ bản nếu người quản trị kích vào nút “Hủy” hệ thống sẽ bỏ qua thao tác xóa và hiển thị các sản phẩm trong bảng TAIKHOAN.  3. Tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case, nếu hệ thống không thể kết nối được với cơ sở dữ liệu để lấy, thêm hoặc cập nhật thông tin tài khoản, hệ thống sẽ hiển thị thông báo "Lỗi kết nối" và use case sẽ kết thúc.  4.Các yêu cầu đặc biệt:  Use case chỉ cho phép người có vai trò là người quản trị, chủ hệ thống  thực hiện các thao tác trên.  5.Tiền điều kiện:  Người quản trị đã đăng nhập vào hệ thống quản trị.  6.Hậu điều kiện:  Các thay đổi được áp dụng thành công vào cơ sở dữ liệu người dùng.  7.Điểm mở rộng:  Không có |

### 2.2.2: Use case Quản lý chi nhánh cửa hàng

|  |
| --- |
| 1.Tên use case: Quản lý chi nhánh cửa hàng |
| 2.Mô tả vắn tắt:  Use case này cho phép người quản trị xem, thêm, sửa, xóa thông tin trong bảngCHINHANH  3.Luồng sự kiện:  3.1 Luồng cơ bản:  1,Use case này bắt đầu khi người quản trị kích vào nút “Quản lý chi nhánh cửa hàng” trên menu quản trị. Hệ thống lấy thông tin chi tiết của tất cả chi nhánh:mã chi nhánh, tên chi nhánh, địa chỉ từ bảng CHINHANH trong cơ sở dữ liệu và hiển thị danh sách các chi nhánh lên màn hình  2, Thêm thông tin  a, Người quản trị kích vào nút “Thêm” trên màn hình. Hệ thống hiển thị  lên màn hình yêu cầu nhập thông tin mới cho chi nhánh: mã chi nhánh, tên chi nhánh, địa chỉ.  b, Người quản trị nhập thông tin giới thiệu và kích vào nút “Tạo”. Hệ thống sẽ tạo thêm chi nhánh mới trong bảng CHINHANH và hiển thị thông tin chi nhánh đã được thêm. Use case kết thúc.  3, Sửa thông tin chi nhánh  a, Người quản trị kích vào nút ‘Sửa” vào một thông tin chi nhánh. Hệ thống sẽ lấy thông tin cũ của chi nhánh được chọn gồm: mã chi nhánh, tên chi nhánh, địa chỉ từ bảng CHINHANH và hiển thị lên màn hình.  b, Người quản trị nhập thông tin cho chi nhánh được sửa và kích nút “Cập nhật”. Hệ thống sẽ sửa thông tin tài khoản được chọn trong bảng  CHINHANH và hiển thị lên màn hình tài khoản đã được cập nhật. Use case kết thúc.  4) Xóa chi nhánh  a, Người quản trị chọn chi nhánh cần xóa và kích vào nút “Xóa”. Hệ thống sẽ hiển thị một màn hình yêu cầu xác nhận xóa.  b) Người quản trị kích vào nút” Đồng ý”. Hệ thống sẽ xóa chi nhánh được chọn khỏi bảng CHINHANH và hiển thị danh sách các tài khoản đã cập nhật. Use case kết thúc.  3.2 Các luồng rẽ nhánh:  1) Tại bước 2b hoặc 3b trong luồng cơ bản nếu người quản trị nhập thông tin chi nhánh không hợp lệ thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi yêu cầu nhập lại. Người quản trị có thể nhập lại để tiếp tục hoặc kích nút “Hủy” để kết thúc.  2) Tại bước 4b trong luồng cơ bản nếu người quản trị kích vào nút “Hủy” hệ thống sẽ bỏ qua thao tác xóa và hiển thị các chi nhánh trong bảng CHINHANH.  3. Tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case, nếu hệ thống không thể kết nối được với cơ sở dữ liệu để lấy, thêm hoặc cập nhật thông tin chi nhánh, hệ thống sẽ hiển thị thông báo "Lỗi kết nối" và use case sẽ kết thúc.  4.Các yêu cầu đặc biệt:  Use case chỉ cho phép người có vai trò là người quản trị, chủ hệ thống thực hiện các thao tác trên. 5.Tiền điều kiện:  Người quản trị đã đăng nhập vào hệ thống quản trị.  6.Hậu điều kiện:  Các thay đổi được áp dụng thành công vào cơ sở dữ liệu người dùng.  7.Điểm mở rộng:  Không có |